

quyền phê duyệt và trong dự toán ngân sách hàng năm.

- Nhà khách được giữ lại số tiền khấu hao cơ bản tài sản cố định thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước đã đầu tư để bổ sung vào quỹ đầu tư xây dựng dùng sửa chữa, mua sắm tài sản cố định của nhà khách trên cơ sở dự án được cơ quan quản lý cấp trên phê duyệt.

3. Về phân phối kết quả hoạt động:

Các khoản thu của nhà khách sau khi trừ các chi phí hợp lý và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định, phần còn lại được phân phối như sau:

- Lập quỹ phát triển kinh doanh dịch vụ: 35%;
- Quỹ phúc lợi, khen thưởng: 65%.

Mức khống chế trích lập 2 quỹ khen thưởng và phúc lợi của nhà khách tối đa không quá 3 tháng lương thực hiện, số còn lại (nếu có) được bổ sung quỹ đầu tư cơ sở vật chất và phát triển kinh doanh dịch vụ của nhà khách, điều chuyển về cơ quan quản lý cấp trên. Mức bổ sung và điều chuyển do cơ quan quản lý cấp trên quyết định.

4. Về tổ chức hạch toán, kế toán và chế độ quản lý tài chính:

4.1. Nhà khách tổ chức bộ máy kế toán, hạch toán kế toán, sử dụng sổ kế toán, biểu mẫu, tài khoản...theo quy định tại Quyết định số 999/TC/QĐ-CKT ngày 02/11/1996 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp và các văn bản hướng dẫn bổ sung.

4.2. Hàng năm, nhà khách có nhiệm vụ lập kế hoạch tài chính và dự toán thu - chi ngân sách theo quy định hiện hành của Nhà nước, báo cáo cơ quan chủ quản để tập hợp chung vào dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan chủ quản gửi Bộ Tài chính (đối với nhà khách thuộc các cơ quan trung ương) và gửi Sở Tài chính - Vật giá (đối với nhà khách của địa phương).

4.3. Nhà khách có nhiệm vụ lập báo cáo thực

hiện kế hoạch, quyết toán hàng quý, 6 tháng, một năm gửi cơ quan chủ quản. Cơ quan chủ quản chịu trách nhiệm kiểm tra và xét duyệt quyết toán năm; tổng hợp báo cáo quyết toán gửi Bộ Tài chính hoặc Sở Tài chính - Vật giá theo quy định về chế độ thống kê, kế toán hiện hành.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các quy định tại Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 1 năm 2000.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh những vấn đề vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG

THÔNG TƯ số 110/2000/TT-BTC ngày 14/11/2000 hướng dẫn quản lý và sử dụng vốn của doanh nghiệp nhà nước dành cho đầu tư và xây dựng.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 59/CP ngày 03/10/1996 của Chính phủ ban hành Quy chế Quản lý tài

09660637

Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

chính và hạch toán kinh doanh đối với doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 27/1999/NĐ-CP ngày 20/4/1999 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh đối với doanh nghiệp nhà nước ban hành kèm theo Nghị định số 59/CP ngày 03/10/1996 của Chính phủ;

Sau khi thống nhất với Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý và sử dụng vốn của doanh nghiệp nhà nước dành cho đầu tư và xây dựng như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng áp dụng Thông tư này là các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước, trong đó bao gồm các doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh và hoạt động công ích theo quy định của Luật Doanh nghiệp nhà nước.

2. Dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước là các dự án: có sử dụng một phần vốn hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước, vốn có nguồn gốc từ ngân sách, vốn do doanh nghiệp tự tích lũy, vốn tín dụng thương mại để đầu tư phát triển, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính (bù đắp tổn thất tài sản), quỹ phúc lợi (đầu tư các công trình phúc lợi), vốn khấu hao tài sản cố định và các khoản thu của Nhà nước để lại cho doanh nghiệp để đầu tư.

3. Đối với các dự án sửa chữa tài sản cố định, việc quản lý và thanh toán chi phí sửa chữa tài sản cố định được thực hiện theo chế độ quản lý tài chính của doanh nghiệp nhà nước hiện hành. Trường hợp doanh nghiệp nhà nước sử dụng vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp để đầu tư sửa chữa tài sản cố định thì doanh nghiệp nhà nước phải thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

4. Các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước phải thực hiện đầy đủ các thủ tục đầu tư và xây dựng, được cân đối vào kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm của doanh nghiệp. Doanh nghiệp nhà nước được tự tổ chức thanh toán hoặc lựa chọn các tổ chức thanh toán vốn để giúp doanh nghiệp quản lý thanh toán vốn đầu tư phát triển.

Doanh nghiệp nhà nước thực hiện đầy đủ chế độ kế toán - thống kê và quyết toán vốn đầu tư theo quy định hiện hành.

5. Chủ đầu tư các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm tổ chức quản lý và thực hiện dự án đầu tư, tự chịu trách nhiệm về bảo toàn vốn và hiệu quả đầu tư của dự án trên cơ sở thực hiện đúng các chế độ chính sách hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng, Quy chế đấu thầu.

6. Cơ quan quản lý tài chính doanh nghiệp nhà nước thực hiện chức năng quản lý tài chính nhà nước và giám sát việc sử dụng vốn đảm bảo an toàn có hiệu quả đối với các dự án đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước. Kho bạc nhà nước, Quỹ hỗ trợ phát triển, các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng nhà nước (sau đây gọi chung là tổ chức thanh toán vốn) có trách nhiệm giúp doanh nghiệp nhà nước kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các khâu trong quá trình thanh toán vốn đảm bảo kịp thời, đầy đủ, đúng chế độ cho dự án và phù hợp với tiến độ thực hiện dự án, đồng thời phát hiện để ngăn chặn kịp thời việc sử dụng vốn sai mục đích, sai chế độ gây lãng phí thất thoát tiền vốn của doanh nghiệp nhà nước.

7. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các Tổng công ty nhà nước, các Hội, các Đoàn thể (gọi chung là các Bộ), Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là Ủy ban nhân dân tỉnh), có trách nhiệm quản lý và sử dụng vốn đầu tư theo các quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng và quy định tại Thông tư này.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước được sử dụng để đầu tư và xây dựng cho các mục đích sau:

- Dự án đầu tư và xây dựng mới, cải tạo và nâng cấp các dự án đã đầu tư.

- Dự án đầu tư để mua sắm tài sản kể cả thiết bị, máy móc không cần lắp và sản phẩm công nghệ khoa học mới.

Doanh nghiệp nhà nước phải thực hiện quản lý và sử dụng vốn theo các quy định hiện hành của Nhà nước có liên quan khi sử dụng vốn đầu tư phát triển vào các mục đích sau đây:

- Mua cổ phiếu, góp vốn cổ phần, góp vốn liên doanh và các hình thức đầu tư khác.

- Đầu tư liên doanh với nước ngoài.

2. Vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước được hình thành từ các nguồn sau:

2.1. Vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp nhà nước:

+ Quỹ đầu tư phát triển;

+ Vốn khấu hao tài sản cố định;

+ Vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước;

+ Vốn ngân sách nhà nước cấp ban đầu;

+ Quỹ phúc lợi (sử dụng cho đầu tư các công trình phúc lợi);

+ Các khoản thu của Nhà nước để lại doanh nghiệp đầu tư.

Việc sử dụng Quỹ dự phòng tài chính chỉ để bù đắp tài sản tổn thất: tài sản của doanh nghiệp nhà nước do mất mát, hư hỏng, giảm giá do các nguyên nhân khách quan, chủ quan gây ra.

Đối với các Tổng công ty thành lập theo Quyết định số 91/TTg và Quyết định số 90/TTg ngày 07/3/1994 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Tổng công ty 91/TTg và Tổng công ty 90/TTg); Tổng Giám đốc theo ủy quyền

của Hội đồng quản trị quyết định việc huy động một phần vốn đầu tư phát triển của các doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập để phục vụ nhu cầu đầu tư tập trung của Tổng công ty theo quy định chế độ quản lý tài chính hiện hành.

2.2. Vốn đầu tư phát triển do doanh nghiệp nhà nước huy động:

- Vốn đầu tư do ngân sách nhà nước hỗ trợ: các dự án đầu tư của doanh nghiệp nhà nước sử dụng vốn đầu tư phát triển hỗ trợ từ ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999, Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng.

- Vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh: các dự án của doanh nghiệp nhà nước sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 43/1999/NĐ-CP ngày 24/6/1999 của Chính phủ về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước và quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng.

- Vốn tín dụng thương mại: các dự án của doanh nghiệp nhà nước có sử dụng nguồn vốn tín dụng thương mại phải thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và hướng dẫn sử dụng của các tổ chức tín dụng cho vay vốn trên cơ sở hợp đồng vay vốn.

- Vốn được huy động từ nguồn khác như: phát hành trái phiếu doanh nghiệp, liên doanh, liên kết... các dự án đầu tư của doanh nghiệp nhà nước khi sử dụng các nguồn vốn này phải thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Thẩm quyền quyết định đầu tư và thực hiện đầu tư đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước được quy định như sau:

3.1. Đối với các dự án nhóm A thuộc tất cả các

nguồn vốn nêu trên (nói tại phần II.2), thẩm quyền quyết định đầu tư và thực hiện đầu tư được áp dụng theo quy định như dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước quy định tại Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999, Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 của Chính phủ.

3.2. Đối với các dự án nhóm B, C sử dụng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp nhà nước (nói tại điểm 2.1 phần II.2), doanh nghiệp nhà nước căn cứ vào quy hoạch hoặc kế hoạch phát triển ngành đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để quyết định đầu tư; nếu dự án có sử dụng đất thì phải được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền của địa phương nơi xin đất chấp thuận về địa điểm, diện tích đất của dự án và làm thủ tục giao đất hoặc thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Thẩm quyền quyết định đầu tư đối với dự án nhóm B, C sử dụng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp nhà nước như sau:

- Đối với các doanh nghiệp nhà nước là doanh nghiệp thành viên trong các Tổng công ty 91/TTg và Tổng công ty 90/TTg thì phải được Hội đồng quản trị phê duyệt.

- Đối với các doanh nghiệp nhà nước độc lập, có Hội đồng quản trị thì thẩm quyền quyết định đầu tư được Hội đồng quản trị phê duyệt.

- Đối với các doanh nghiệp nhà nước độc lập không có Hội đồng quản trị thì thẩm quyền quyết định đầu tư do Tổng Giám đốc (hoặc Giám đốc) doanh nghiệp phê duyệt.

- Đối với các dự án đầu tư của các doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực công ích thì cơ quan quyết định thành lập doanh nghiệp quyết định đầu tư hoặc ủy quyền cho doanh nghiệp quyết định đầu tư.

Quá trình thực hiện đầu tư của dự án do doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm trên cơ sở thực hiện đúng các chế độ chính sách hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng, Quy chế Đấu thầu.

4. Lập và báo cáo kế hoạch vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước:

4.1. Căn cứ vào tiến độ thực hiện của các dự án đang được đầu tư, các dự án đã hoàn thành giai đoạn chuẩn bị đầu tư và kế hoạch huy động, sử dụng nguồn vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước thành viên, doanh nghiệp nhà nước độc lập hoặc Tổng công ty lập kế hoạch vốn đầu tư hàng năm của doanh nghiệp nhà nước.

Đối với các doanh nghiệp nhà nước là doanh nghiệp thành viên trong Tổng công ty 91/TTg và Tổng công ty 90/TTg hoặc các doanh nghiệp nhà nước có Hội đồng quản trị thì kế hoạch sử dụng vốn đầu tư của doanh nghiệp phải được Hội đồng quản trị phê duyệt. Các doanh nghiệp nhà nước độc lập, không có Hội đồng quản trị thì kế hoạch vốn đầu tư do Tổng Giám đốc (hoặc Giám đốc) phê duyệt.

4.2. Kế hoạch vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước sau khi được các cấp có thẩm quyền phê duyệt, doanh nghiệp thông báo với cơ quan quản lý tài chính doanh nghiệp để có cơ sở theo dõi kiểm tra, giám sát, đồng thời kế hoạch vốn đầu tư được duyệt phải báo cáo cho Tổng công ty (nếu có), Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với dự án thuộc thẩm quyền quản lý).

4.3. Các Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh và Hội đồng quản trị các Tổng công ty 91/TTg tổng hợp chung vào kế hoạch vốn đầu tư hàng năm gửi Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

5. Điều kiện thanh toán vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước:

5.1. Đối với dự án đầu tư:

- Chuẩn bị đầu tư: văn bản của cấp có thẩm quyền theo phân cấp quy định tại Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng cho phép tiến hành chuẩn bị đầu tư; dự toán chi cho công tác chuẩn bị đầu tư tương ứng.

- Chuẩn bị thực hiện dự án: báo cáo đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi và quyết định

dầu tư của cấp có thẩm quyền theo phân cấp quy định tại Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng; dự toán chi cho công tác chuẩn bị thực hiện dự án.

- Thực hiện dự án đầu tư: có thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán được phê duyệt của cấp có thẩm quyền. Những dự án nhóm A - B nếu chưa có thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán được duyệt thì trong quyết định đầu tư phải quy định mức vốn của từng hạng mục công trình, có thiết kế, dự toán hạng mục công trình thì công trong năm được duyệt.

5.2. Dự án đã được cân đối trong kế hoạch vốn đầu tư của doanh nghiệp tương ứng với tiến độ thi công của dự án trong năm kế hoạch, có quyết định thành lập Ban quản lý dự án (trường hợp phải thành lập Ban quản lý dự án), bổ nhiệm Trưởng ban, Kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán giúp doanh nghiệp nhà nước quản lý dự án theo quy định.

5.3. Dự án đã thực hiện chỉ định thầu, đấu thầu tuyển chọn tư vấn, mua sắm thiết bị, xây lắp theo quy định của Quy chế Đấu thầu; có quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu của cấp có thẩm quyền; hợp đồng kinh tế giữa doanh nghiệp nhà nước và nhà thầu.

5.4. Có khối lượng xây lắp, mua sắm thiết bị, tư vấn thực hiện được doanh nghiệp nhà nước chấp thuận thanh toán, không phân biệt hình thức tự làm hoặc theo hợp đồng giao thầu.

Mỗi lần thanh toán vốn đầu tư, bên nhận thầu phải chuyển cho doanh nghiệp nhà nước các hồ sơ sau:

- Đối với khối lượng xây lắp hoàn thành:

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành kèm theo bản tính giá trị khối lượng được nghiệm thu.

+ Phiếu giá và chứng từ thanh toán.

- Đối với khối lượng thiết bị:

+ Hóa đơn kiêm phiếu xuất kho (đối với thiết

bị mua trong nước); bộ chứng từ nhập khẩu (đối với thiết bị nhập khẩu).

+ Phiếu nhập kho (đối với thiết bị không cần lắp) hoặc biên bản nghiệm thu khối lượng lắp đặt thiết bị (đối với thiết bị cần lắp).

+ Các chứng từ vận chuyển, bảo hiểm, thuế, phí lưu kho.

+ Phiếu giá và các chứng từ thanh toán.

- Đối với khối lượng công tác tư vấn:

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng tư vấn.

+ Chứng từ thanh toán.

Đối với các công việc thuộc khoản chi phí khác, ngoài các công việc đã thuê tư vấn của dự án được thanh toán khi đã có đủ các căn cứ chứng minh công việc đã được thực hiện.

Căn cứ vào các hồ sơ nói tại các điểm 5.1; 5.2; 5.3 (hồ sơ gửi 1 lần) và hồ sơ đề nghị thanh toán nói tại điểm 5.4 (hồ sơ gửi cho từng lần đề nghị thanh toán), doanh nghiệp nhà nước chấp nhận thanh toán khi khối lượng, công việc hoàn thành trong các hồ sơ đề nghị thanh toán phù hợp với các hồ sơ quy định nói trên và hệ thống chính sách về quản lý đầu tư xây dựng hiện hành.

6. Tổ chức thanh toán vốn đầu tư: các doanh nghiệp nhà nước căn cứ vào kế hoạch đầu tư xây dựng hàng năm của doanh nghiệp, dự án được duyệt, hợp đồng ký kết với các nhà thầu (hoặc tự làm), đảm bảo nguồn vốn đáp ứng tiến độ thanh toán cho các đơn vị nhận thầu. Việc thanh toán vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện bằng các hình thức:

- Doanh nghiệp nhà nước tự thực hiện việc thanh toán: trong trường hợp này, doanh nghiệp nhà nước tự chịu trách nhiệm về việc kiểm soát thanh toán vốn đầu tư cho các nhà thầu và nhà cung cấp.

- Doanh nghiệp nhà nước thực hiện thanh toán thông qua một tổ chức thanh toán vốn, trường hợp này doanh nghiệp nhà nước chuyển vốn đầu

tư phát triển của doanh nghiệp cho các tổ chức thanh toán vốn, nơi doanh nghiệp triển khai thực hiện dự án đầu tư. Các tổ chức thanh toán thực hiện việc kiểm soát, thanh toán theo yêu cầu của doanh nghiệp nhà nước.

Để tiếp nhận và quản lý thanh toán vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước cho các dự án đầu tư tại các tổ chức thanh toán vốn, chủ đầu tư phải làm thủ tục mở tài khoản theo dõi riêng cho dự án đầu tư tại các tổ chức thanh toán vốn. Thủ tục đăng ký mở tài khoản thực hiện theo hướng dẫn của các tổ chức thanh toán vốn. Các tổ chức thanh toán vốn phải tạo điều kiện thuận lợi để các chủ đầu tư mở tài khoản và sử dụng tài khoản tại đơn vị phục vụ.

Doanh nghiệp nhà nước căn cứ vào tiến độ thực hiện dự án đầu tư, kế hoạch vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước cho các dự án đầu tư, căn cứ vào số dư nguồn vốn của doanh nghiệp tại tổ chức thanh toán và nhu cầu vốn tại thời điểm thanh toán để chuyển vốn đầu tư cho tổ chức thanh toán.

7. Việc lựa chọn hình thức tạm ứng vốn, thanh toán vốn và thu hồi tạm ứng vốn đầu tư do doanh nghiệp nhà nước (chủ đầu tư) thỏa thuận với các nhà thầu (xây lắp, mua sắm thiết bị, tư vấn) được thực hiện trên cơ sở kế hoạch huy động vốn đầu tư hàng năm của doanh nghiệp nhà nước và các chính sách hiện hành của Nhà nước thông qua hợp đồng.

8. Công tác quyết toán vốn đầu tư: Khi công trình hoặc dự án đầu tư hoàn thành, chủ đầu tư có trách nhiệm quyết toán toàn bộ vốn đầu tư của công trình theo quy định của Bộ Tài chính về hướng dẫn quyết toán vốn đầu tư.

Bộ Tài chính chịu trách nhiệm thẩm tra và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án nhóm A; cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư của doanh nghiệp nhà nước chịu trách nhiệm thẩm tra và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án nhóm B, C.

9. Hàng quý, năm các chủ đầu tư phải báo cáo tình hình sử dụng vốn đầu tư của doanh nghiệp cho các Tổng công ty (nếu có), Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp quản lý, cơ quan quản lý tài chính doanh nghiệp. Cơ quan quyết định thành lập doanh nghiệp, Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản trị Tổng công ty 91/TTg có trách nhiệm tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

III. TRÁCH NHIỆM CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN

1. Các Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Hướng dẫn việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước theo chức năng quản lý tài chính doanh nghiệp nhà nước được Chính phủ giao.

- Chỉ đạo công tác quản lý, kiểm soát quá trình quản lý vốn đầu tư và tổ chức tổng hợp tình hình sử dụng các nguồn vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước theo quy định hiện hành và quy định tại Thông tư này.

2. Hội đồng quản trị các Tổng công ty 91/TTg và Tổng công ty 90/TTg, Hội đồng quản trị các doanh nghiệp độc lập, Tổng Giám đốc (hoặc Giám đốc) các doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm quản lý, bảo toàn và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn của Nhà nước giao cho doanh nghiệp; chịu trách nhiệm về việc quyết định đầu tư và hiệu quả của các dự án đầu tư.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp nhà nước (chủ đầu tư) trong công tác quản lý, kiểm soát quá trình quản lý vốn đầu tư và tổ chức tổng hợp tình hình sử dụng các nguồn vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước theo quy định hiện hành và quy định tại Thông tư này.

3. Chủ đầu tư:

- Có trách nhiệm tổ chức quản lý và thực hiện dự án đầu tư, bảo toàn và sử dụng có hiệu quả

vốn đầu tư của dự án trên cơ sở thực hiện đúng các chế độ chính sách hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng, Quy chế Đấu thầu.

- Cung cấp các tài liệu, hồ sơ cần thiết cho cơ quan quản lý tài chính doanh nghiệp; tổ chức thanh toán vốn và các cơ quan khác có liên quan theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Sử dụng vốn đầu tư đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, có hiệu quả, chấp hành đúng chế độ quản lý vốn đầu tư và xây dựng hiện hành.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và quyết toán vốn đầu tư theo quy định tại Thông tư này.

4. Các tổ chức thanh toán vốn:

- Tổ chức công tác kiểm soát, thanh toán, kế toán vốn đầu tư theo đúng chế độ quy định.

- Xác nhận số vốn đã thanh toán của từng dự án khi quyết toán.

- Chịu trách nhiệm kiểm soát chặt chẽ các chứng từ đề nghị thanh toán đảm bảo cấp vốn theo đúng hợp đồng, dự án được duyệt.

- Chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật của Nhà nước trong công tác quản lý và

thanh toán vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước.

5. Cơ quan quản lý tài chính doanh nghiệp: chịu trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện quyết định đầu tư và thực hiện quyết toán vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước.

IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày ký. Mọi quy định trước đây về quản lý và sử dụng vốn của doanh nghiệp nhà nước dành cho đầu tư xây dựng trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, Tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước và chủ đầu tư phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung/.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

VŨ VĂN NINH

HẾT NĂM 2000

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Điện thoại: 8233947

In tại Xí nghiệp Bản đồ I - Bộ Quốc phòng

09660637